TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
Tỉnh Bến Tre
Bản án số: **81**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2024
V/v "*Ly hôn*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà***: Bà Hồ Thị Triết
- ***Các hội thẩm nhân dân***: 1. Bà Phan Thị Cẩm Hồng
2. Ông Nguyễn Văn Sơn
- ***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:*** Ông Nguyễn Hữu Lộc.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ptham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Mộng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Pxét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ông Nguyễn Đồng N, sinh năm 1962. Nơi cư trú: số 26/4, ấp T Q, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt)

- ***Bị đơn***: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1956. Nơi cư trú: số 26/4, ấp TQ, thị trấn TP, huyện T P, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 18/12/2023, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ - nguyên đơn ông Nguyễn Đồng N trình bày:

Ông Nhân và bà Nguyễn Thị Đ cưới nhau năm 1979 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Pvà được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/8/1997, trong thời gian sống chung có 03 người con chung tên Nguyễn Trọng H- sinh năm 1980, Nguyễn Thanh S- sinh năm 1983 và Nguyễn Tấn Đ - sinh năm 1997. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và đã ly thân gần 07 năm rồi, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Nay ông N yêu cầu Toà án xem xét giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Ông N yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về con chung: các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đvắng mặt và cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án nên không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến giải quyết vụ án: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng; người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã nghiêm túc chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa nghiêm túc chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đồng N.

Về hôn nhân: Ông Nđược ly hôn với bà Đ. Không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng nên không xem xét.

Về con chung: các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Đồng N yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Định, do bị đơn có nơi cư trú tại huyện P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thụ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Đồng N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Ông Nguyễn Đồng N và bà Nguyễn Thị Đcưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Pvà được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/8/1997 nên hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai bên không có

thiện chí dung hòa khắc phục mâu thuẫn hiện nay đã ly thân một thời gian dài, trong khoảng thời gian không sống chung hai bên không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm, cũng như hai bên không có giải pháp nào giải quyết những mâu thuẫn để sum họp gia đình và từ khi ly thân hai bên có cuộc sống riêng tư, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xác định các bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho ông Nguyễn Đồng N được ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ. Ông N không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét.

[4] Về con chung: 03 người con chung tên Nguyễn Trọng H- sinh năm 1980, Nguyễn Thanh S - sinh năm 1983 và Nguyễn Tấn Đ - sinh năm 1997 đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Ông N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Ông N được miễn nộp án phí do là người cao tuổi.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Toà án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đồng N. Cho ông Nguyễn Đồng N được ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn, không có yêu cầu nên không xem xét.

- Về con chung: 03 người con chung tên Nguyễn Trọng H - sinh năm 1980, Nguyễn Thanh S- sinh năm 1983 và Nguyễn Tấn Đ - sinh năm 1997 đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Ông N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình: Ông N được miễn nộp án phí do là người cao tuổi.

Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND thị trấn P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Triết